

CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Số 189 đường đi Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2013

Tháng 07 năm 2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2013

STT

NỘI DUNG

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý II năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý II năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý II năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49,278,595,006	58,512,605,266
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3,237,097,500	4,914,169,156
1. Tiền	111	V.01	3,237,097,500	4,914,169,156
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21,080,784,149	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	21,080,784,149	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	V.02	12,044,369,086	42,139,598,486
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	4,896,446,635	2,766,774,932
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	110,000,000	270,132,000
3. Các khoản phải thu khác	138	V.05	7,037,922,451	39,102,691,554
IV. Hàng tồn kho	140		5,917,096,024	7,410,634,953
1. Hàng tồn kho	141	V.06a	6,554,476,024	7,410,634,953
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.06b	(637,380,000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,999,248,247	4,048,202,671
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		413,308,031	351,677,802
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		6,585,940,216	3,696,524,869
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		144,083,873,194	131,767,374,383
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		8,868,844,198	9,629,644,696
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	8,868,844,198	9,629,644,696
- Nguyên giá	222		13,963,286,755	14,051,961,306
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5,094,442,557)	(4,422,316,610)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		135,150,523,668	122,095,120,074
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.08	122,095,120,074	122,095,120,074
3. Đầu tư dài hạn khác	258		13,055,403,594	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (	259		-	
V. Tài sản dài hạn khác	260		64,505,328	42,609,613
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	64,505,328	42,609,613
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		193,362,468,200	190,279,979,649

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9,820,316,065	13,867,714,125
I. Nợ ngắn hạn	310		9,074,316,065	12,731,714,125
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	4,494,531,180	939,163,418
2. Phải trả người bán	312	V.11	2,133,108,218	1,129,052,912
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	679,386,353	679,386,353
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	226,703,504	166,489,718
4. Phải trả công nhân viên	315		88,318,595	75,020,800
5. Chi phí phải trả	316	V.14	144,000,000	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	1,225,950,801	9,123,744,343
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353		82,317,414	618,856,581
II. Nợ dài hạn	320		746,000,000	1,136,000,000
1. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
2. Vay và nợ dài hạn	324	V.16	746,000,000	1,136,000,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		183,542,152,135	176,412,265,524
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	183,542,152,135	176,412,265,524
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128,700,000,000	128,700,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9,615,359,500	9,615,359,500
3. Cổ phiếu quỹ	414		(982,776,400)	(982,776,400)
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		225,534,038	177,909,956
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		45,984,034,997	38,901,772,468
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		193,362,468,200	190,279,979,649

Hải phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2013

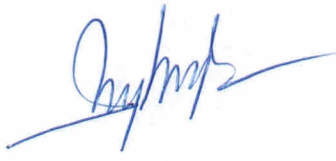
Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thu Thủy



Nguyễn Thu Thủy

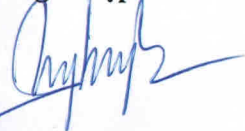


Bùi Chí Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ II NĂM 2013

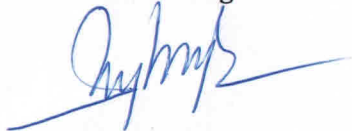
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.18		6,723,746,983	5,655,387,778	11,714,737,338	10,370,289,419
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	03					-	-
+ Hàng bán bị trả lại						-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10			6,723,746,983	5,655,387,778	11,714,737,338	10,370,289,419
4 Giá vốn hàng bán	11	VL.19		6,225,032,892	4,576,352,389	10,262,105,909	8,433,311,164
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20			498,714,091	1,079,035,389	1,452,631,429	1,936,978,255
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20		8,184,580,998	7,509,044,135	14,521,115,525	21,701,727,509
7 Chi phí tài chính	22	VI.21		416,302,644	93,238,691	467,255,215	292,874,057
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			416,302,644	93,139,598	467,255,215	291,519,771
8 Chi phí bán hàng	24			-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25			613,314,280	656,467,943	1,296,128,289	1,269,456,049
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30			7,653,678,165	7,838,372,890	14,210,363,450	22,076,375,658
11 Thu nhập khác	31					-	-
12 Chi phí khác	32					-	-
13 Lợi nhuận khác	40					-	-
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			7,653,678,165	7,838,372,890	14,210,363,450	22,076,375,658
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.22		181,693,129	84,212,540	238,926,181	96,475,242
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại							-
17 Chi phí thuế TNDN phải nộp	52			-	-		-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60			7,471,985,036	7,754,160,350	13,971,437,269	21,979,900,416

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2013

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Bùi Chí Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	MS	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	11,907,349,445	10,692,830,229
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(13,578,406,629)	(15,018,822,941)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(542,709,306)	(491,739,117)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(75,533,271)	(180,414,239)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(184,251,833)	(12,262,702)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	33,757,680,174	70,285,229,620
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(33,455,176,841)	(58,249,957,018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2,171,048,261)	7,024,863,832
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11,604,545)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29,229,982,453)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20,863,710,728	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19,323,749,162	10,735,361,764
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10,945,872,892	10,735,361,764
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		(982,776,400)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5,005,167,510	4,299,945,722
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8,634,562,772)	(10,133,356,367)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6,822,501,025)	(10,396,975,709)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10,451,896,287)	(17,213,162,754)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1,677,071,656)	547,062,842
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4,914,169,156	696,462,048
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3,237,097,500	1,243,524,890

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Thủy

Hải phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2013

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Bùi Chí Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2013

I. Thông tin doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 8, ngày 08 tháng 07 năm 2013. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty: 128.700.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, bao gồm dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, bao gồm: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, bao gồm: bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê(bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hoá đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, bao gồm: bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP-VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên Sở tại giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

007
ĐƠN
CỔ PHẦN
AN
HƯỞNG
LỢI
YẾU
T. F

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2013

Công ty có các Công ty con sau :

➤ **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 06 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 05 tháng 06 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục thông quan.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

➤ **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29 tháng 09 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 30 tháng 05 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 3.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

➤ **Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 28 tháng 05 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh vận tải đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

➤ **Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 13 tháng 06 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

➤ **Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội**

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102805652 do Sở Kế hoạch và đầu tư

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **QUÝ II NĂM 2013**

thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 26 tháng 06 năm 2013.

Theo đó;

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm, các dịch vụ vận tải khác. Dịch vụ kho bãi.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

> Công ty TNHH Container Minh Thành

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0200667880 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 06 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 24.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Cho thuê kho bãi, nhà hàng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 75,83% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

> Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải

Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201129229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần thứ 1 ngày 28 tháng 05 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 999.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn, lẻ nước hoa, mỹ phẩm, nhà hàng.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

Các sự kiện trong năm tài chính

Thay đổi chính sách kế toán đối với khoản lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính (đầu tư vào Công ty con). Theo đó, khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính được ghi nhận theo Thông báo cổ tức căn cứ vào tình hình Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

<Nguồn: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2012/NQ-HĐQT ngày 25/04/2012>

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm..

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

III. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“ VND ”), phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2013

- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5);

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2013

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ giá trị đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

TCP
VNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2013

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, bao gồm:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2013

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:

Tiền lãi:

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức:

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2013

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2 năm 2013 là 25%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

KD
ĐA
18/11/13

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

		ĐVT: đồng	
		30/06/2013	01/01/2013
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		
	Tiền mặt	846,026,639	1,313,963,501
	Tiền gửi ngân hàng	2,391,070,861	3,600,205,655
	Cộng	3,237,097,500	4,914,169,156
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
	<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	-	-
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	7,987,636,004	-
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	3,580,000,000	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành	9,513,148,145	-
	Cộng	21,080,784,149	-
3	Phải thu khách hàng		
3.1	Phải thu các bên liên quan	2,384,888,356	1,253,472,250
	(Xem phần thuyết minh BCTC, Mục 25)		
3.2	Phải thu thương mại	2,511,558,279	1,513,302,682
	Công ty LD Đại lý vận tải EVERGREEN (Việt Nam)	135,326,135	26,026,330
	Công ty TNHH TMDV hàng hoá ANC	38,853,435	4,415,800
	Công ty TNHH MTV Tiếp vận và phân phối Phương Đông	88,762,201	124,403,407
	CN Công ty TNHH MTV GN Gấu trúc Toàn cầu	46,965,600	24,909,280
	CN Công ty CP phát triển Hàng hải tại HP	42,352,750	
	Công ty TNHH Mitsui Oskline Việt Nam	105,953,734	60,526,887
	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải HUB Việt Nam	16,664,088	130,775,923
	CN Công ty TNHH MTV VT Tranvanlink VN	20,906,490	45,599,070
	Công ty CP PTCN gỗ XK Nam Việt Hoàng	76,400,000	106,400,000
	Công ty TNHH TM-DV VT Hà Nội Container	595,000,000	
	Công ty TNHH Việt Hàn Plastic	22,009,800	
	Công ty TNHH GN VT Cargonet VN	22,154,000	46,355,155
	Công ty TNHH TM và tiếp vận toàn cầu Đông Tài	122,708,904	165,053,720
	CN Công ty TNHH Shipco Transport VN tại Hải Phòng	151,669,342	110,750,783
	Cục Hải Quan Thành phố Hải Phòng		93,741,556
	CN Công ty CP Đại lý Hàng Hải VN - Đại lý hàng hải HP	68,935,448	29,863,595
	Công ty CP KDCBLS Xuất khẩu Yên Bái	229,964,140	11,900,000
	Công ty TNHH Hapag Lloyd Việt Nam	258,099,000	78,960,300
	Công ty TNHH DV và VT Thế giới Chính Phương	87,537,337	76,646,055
	Các khách hàng khác	381,295,875	376,974,821
	Cộng	4,896,446,635	2,766,774,932

020
CỔ
CỔ
VÀ
PHỤ
DUY
V.T.

4	Trả trước cho người bán	30/06/2013	01/01/2013
	Nhà cung cấp dự án Lạch Huyện	110,000,000	110,000,000
	Công ty Kiểm toán và kế toán Hà Nội	-	100,000,000
	Ông Dò	-	60,000,000
	CN Công ty CP Đại lý Hàng hải VN-ĐL Hàng Hải HP	-	132,000
	Cộng	110,000,000	270,132,000
5	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2013	01/01/2013
	Phải thu khác		
5.1	Phải thu khác	-	26,111,756,705
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-	3,180,000,000
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	1,420,000,000
	Công ty TNHH Container Minh Thành	-	14,671,148,145
	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	-	588,835,000
	Công ty TNHH MTV Vận tải Đa PT Duyên Hải Hà Nội	-	6,251,773,560
5.2	Phải thu lợi nhuận của các Công ty con	6,999,639,480	12,784,697,414
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	573,359,977	1,346,797,200
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	4,454,065,416	5,367,575,900
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	665,182,565	5,171,755,028
	Công ty TNHH Container Minh Thành	1,293,352,163	836,632,398
	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	13,679,359	61,936,888
5.3	Phải thu đối tượng khác	38,282,971	206,237,435
	Phải thu khác của cán bộ nhân viên	38,282,971	206,237,435
	Cộng	7,037,922,451	39,102,691,554
6a	Hàng tồn kho	30/06/2013	01/01/2013
	Hàng tồn kho	6,554,476,024	7,410,634,953
	Cộng	6,554,476,024	7,410,634,953
6b	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	637,380,000	-
	Cộng	637,380,000	
7	Tăng giảm Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01)		
8	Các khoản đầu tư vào Công ty con	30/06/2013	01/01/2013
	- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	14,503,099,339	14,503,099,339
	- Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	32,867,444,563	32,867,444,563
	- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45,655,576,172	45,655,576,172
	- Công ty TNHH MTV VT Đa PT Duyên Hải Hà Nội	2,520,000,000	2,520,000,000
	- Công ty TNHH Container Minh Thành	25,550,000,000	25,550,000,000

078
ONG
PH
NT
ONG
ENI
PH

- Công ty TNHH Thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	999,000,000	999,000,000
Cộng	122,095,120,074	122,095,120,074
9 Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2013	01/01/2013
Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng	64,505,329	42,609,613
Cộng	64,505,329	42,609,613
10 Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2013	01/01/2013
Vay ngắn hạn		
a. Ngân hàng	-	939,163,418
Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN - CN Đông Hải Phòng	-	939,163,418
b. Đối tượng khác	4,494,531,180	-
Đặng Hồng Quân (*)	3,000,000,000	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải(**)	1,494,531,180	-
Cộng	4,494,531,180	939,163,418
(*). Khoản vay của Ông Đặng Hồng Quân theo Hợp đồng vay ngày 05 tháng 02 năm 2013, lãi suất vay 1%/tháng, thời hạn vay dưới 12 tháng. (**). Khoản vay của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải theo Hợp đồng vay vốn số 01/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng.		
11 Phải trả người bán	30/06/2013	01/01/2013
11.1 Phải trả các bên liên quan	2,098,336,058	1,038,512,539
(Xem phần thuyết minh BCTC, Mục 25)		
11.2 Phải trả thương mại	34,772,160	90,540,373
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Hoàng Vũ	16,500,000	-
Công ty TNHH TMDV Giao nhận vận tải Tuấn Khôi	2,800,000	-
Công ty TNHH Heung A VN tại Hải Phòng	180,000	21,801,113
CN Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng Hoá Đường sắt HP	15,262,500	36,784,000
Công ty TNHH KMTC(VN) - Cn Hải Phòng	29,660	-
Các đối tượng khác	-	31,955,260
Cộng	2,133,108,218	1,129,052,912
12 Người mua trả tiền trước	30/06/2013	01/01/2013
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	657,000,000	657,000,000
CN Công ty TNHH Shipco Transport VN tại Hải Phòng	22,386,353	22,386,353
Cộng	679,386,353	679,386,353
13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2013	01/01/2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	181,693,129	127,018,781

30
TY
AN
AI
TH
HAI
IP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Thuyết minh BCTC

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2013

Thuế khác		
Thuế thu nhập cá nhân	2,514,251	360,000
Thuế GTGT đầu ra	42,496,124	39,110,937
Cộng	226,703,504	166,489,718
14. Chi phí phải trả	30/06/2013	01/01/2013
Chi phí phải trả	144,000,000	-
Cộng	144,000,000	-
15 Các khoản phải trả phải nộp khác	30/06/2013	01/01/2013
15.1 Phải trả phải nộp các bên liên quan	281,554,552	8,234,576,767
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	12,070,736	-
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	35,275,082	8,234,576,767
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	47,715,568	-
Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	668,263	-
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	171,157,119	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	14,667,784	-
15.2 Phải trả phải nộp khác	485,923,907	430,695,212
Thuế TNCN, BHXH của CBCNV	7,288,320	9,434,400
Cổ tức phải trả	439,170,597	375,631,197
Công ty CP Creating Fortune Container Việt Nam	-	10,000,000
Phải trả phải nộp khác	39,464,990	35,629,615
15.3 Doanh thu chưa thực hiện	295,849,189	295,849,211
Cục Hải Quan Thành phố Hải Phòng	295,849,189	295,849,211
15.4 Phải trả phải nộp khác	162,623,153	162,623,153
Hoa hồng khách hàng	105,811,579	105,811,579
Quỹ phát triển nhân lực	56,811,574	56,811,574
Cộng	1,225,950,801	9,123,744,343
15 Vay và nợ dài hạn	30/06/2013	01/01/2013
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN- CN Đông HP (*)	746,000,000	1,136,000,000
Cộng	746,000,000	1,136,000,000

(*). Theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 66/2009/HĐTD ngày 02/10/2009 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Phòng và Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải. Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay được áp dụng theo từng thời điểm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 10 xe Ô tô đầu kéo, rơ moóc nhãn hiệu Hải Âu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Thuyết minh BCTC

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2013

17 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu <Phụ lục số 02>****b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2013	01/01/2013
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	78,883,000,000	80,585,480,000
Vốn góp của CBCNV	8,380,780,000	5,218,600,000
Vốn góp của Cổ đông ngoài	41,436,220,000	42,895,920,000
Cộng	128,700,000,000	128,700,000,000

c. Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,870,000	12,870,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12,770,000	12,870,000
Cổ phiếu phổ thông	12,770,000	12,870,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	100,000	100,000
Cổ phiếu phổ thông	100,000	100,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,770,000	12,770,000
Cổ phiếu phổ thông	12,770,000	12,770,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu	-	-

CP
★
2

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: đồng

18	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 2 năm 2013	Quý 2 năm 2012
	<i>- Doanh thu cung cấp dịch vụ tại Hải Phòng:</i>		
	+ Doanh thu Shipline	517,302,710	506,050,094
	+ Doanh thu khai thác CFS	1,696,123,660	1,700,915,370
	+ Doanh thu vận tải	334,101,362	983,976,818
	+ Doanh thu thương mại, dịch vụ	4,176,219,251	2,464,445,496
	Cộng	6,723,746,983	5,655,387,778
19	Giá vốn dịch vụ tại khu vực Hải Phòng	Quý 2 năm 2013	Quý 2 năm 2012
	+ Giá vốn Shipline	517,302,208	506,051,299
	+ Giá vốn khai thác CFS	1,696,123,572	1,701,553,251
	+ Giá vốn vận tải	276,144,546	868,479,318
	+ Giá vốn thương mại, dịch vụ	3,735,462,566	1,500,268,521
	Cộng	6,225,032,892	4,576,352,389
20	Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 2 năm 2013	Quý 2 năm 2012
	- Lãi tiền gửi ngân hàng	7,553,155	7,521,406
	- Lợi nhuận được chia từ các công ty con	6,926,905,649	7,501,522,729
	- Chênh lệch tỷ giá	4,364,516	
	- Doanh thu HĐTC khác	1,245,757,678	-
	Cộng	8,184,580,998	7,509,044,135
21	Chi phí hoạt động tài chính	Quý 2 năm 2013	Quý 2 năm 2012
	- Chênh lệch tỷ giá	-	99,093
	- Chi phí lãi vay	416,302,644	93,139,598
	Cộng	416,302,644	93,238,691
22	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý 2 năm 2013	Quý 2 năm 2012
	1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,653,678,165	7,838,372,890
	2. Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế	6,926,905,649	7,501,522,729
	3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế		
	4. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ (4=1-2+3)	726,772,516	336,850,161
	5. Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
	6. Chi phí thuế TNDN hiện hành (6=5*4)	181,693,129	84,212,540
	7. Số thuế phải nộp thêm năm 2012 do xác định lại		
	8. Thuế TNDN phải nộp quý 2 năm 2013 (8=6+7)	181,693,129	84,212,540

23	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý 2 năm 2013	Quý 2 năm 2012
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	0	
	Chi phí khấu hao TSCĐ	346,644,381	345,211,068
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,878,388,511	4,231,141,321
	Cộng	6,225,032,892	4,576,352,389

24 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp Tại ngày 30/06/2013

a. Bố trí cơ cấu tài sản:

- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	69%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	31%

b. Tỷ suất sinh lợi:

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	177%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	21%

c. Tình hình tài chính:

- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản	7%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	3%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	5%

25 Nghiệp vụ với các bên liên quan

25.1 Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

TT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV vận tải Đa PT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
6	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con
8	Ông Nguyễn Đình Chung	Cổ đông lớn

25.2 Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm;

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (đồng)
---------------	--------------------	----------------

25.2.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	1,111,477,386
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	30,690,309
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	1,280,151,681
Công ty TNHH Vtải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ	256,154,766
Công ty TNHH thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	2,058,550

Công Ty TNHH Container Minh Thành	Doanh thu dịch vụ	2,605,242
Cty TNHH MTVVT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ	4,047,867
Cộng		2,687,185,801
25.2.2 Giá vốn		Số tiền (đồng)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	4,150,336,016
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	1,608,130,977
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	565,505,000
Cộng		6,323,971,993
25.2.3 Tiền chi cho vay		Số tiền (đồng)
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	Ngắn hạn	14,294,982,453
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Ngắn hạn	5,550,000,000
Công ty TNHH Container Minh Thành	Ngắn hạn	2,917,000,000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Dài hạn	4,468,000,000
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN	Dài hạn	2,000,000,000
Cộng		29,229,982,453
25.2.4 Thu hồi tiền cho vay		Số tiền (đồng)
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	Ngắn hạn	10,802,346,449
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Ngắn hạn	3,290,000,000
Công ty TNHH Container Minh Thành	Ngắn hạn	6,045,000,000
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN	Dài hạn	87,529,279
Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	Ngắn hạn	638,835,000
Cộng		20,863,710,728
25.2.5 Doanh thu hoạt động tài chính		Số tiền (đồng)
Lãi cho vay		
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Lãi vay	133,400,000
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lãi vay	233,345,403
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN	Lãi vay	294,439,105
Công Ty TNHH Container Minh Thành	Lãi vay	469,228,148
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Lãi vay	93,291,111
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Lãi vay	17,053,911
Cộng		1,240,757,678
25.2.6 Lợi nhuận được chia		Số tiền (đồng)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận được chia	8,386,698,844
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	561,289,241
Công Ty TNHH Container Minh Thành	Lợi nhuận được chia	682,051,981
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	2,218,773,948
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	31,074,208
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	1,374,770,505
Cộng		13,254,658,727

25.3 Số dư giao dịch với các bên liên quan**25.3.1 -Đầu tư ngắn hạn khác**

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tại ngày 30/06/2013</u>
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	7,987,636,004
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công ty con	3,580,000,000
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	9,513,148,145
Cộng		21,080,784,149

25.3.2 -Các khoản phải thu

		<u>Tại ngày 30/06/2013</u>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	136,338,600
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	682,145,403
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN	Công ty con	294,439,105
Công Ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	469,228,148
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con	96,091,111
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con	706,645,989
Cộng		2,384,888,356

25.3.3 -Các khoản phải thu khác

		<u>Tại ngày 30/06/2013</u>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	665,182,565
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	573,359,977
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con	4,454,065,416
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	1,293,352,163
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con	13,679,359
Cộng		6,999,639,480

25.3.4 - Đầu tư dài hạn khác

		<u>Tại ngày 30/06/2013</u>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	4,468,000,000
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN	Công ty con	8,587,403,594
Cộng		13,055,403,594

25.3.5 - Phải trả người bán

		<u>Tại ngày 30/06/2013</u>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	1,736,870,807
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con	241,367,251
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	120,098,000
Cộng		2,098,336,058

25.3.6 -Người mua trả tiền trước

		<u>Tại ngày 30/06/2013</u>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	657,000,000
Cộng		657,000,000

25.3.7 - Vay dài hạn

		<u>Tại ngày 30/06/2013</u>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	1,494,531,180
Cộng		1,494,531,180

1793
NG T
PH
NTA
ONG
EN H
PH

25.3.8 Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

Thù lao, thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

341,951,530

VII Thông tin khác

26 Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2012 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

27 Thông tin về tính hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

28 Thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do sự áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo các cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Thủy

Hải phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2013

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng

081-
Y
N
THỨC
AI
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Thuyết minh BCTC

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2013

PHỤ LỤC 01

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm		31,348,182	13,847,373,207	173,239,917	14,051,961,306
- Mua trong kỳ					-
- XDCB hoàn thành		-	-	-	-
- Tăng khác	-		-		-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-			88,674,551	88,674,551
Số dư cuối kỳ	-	31,348,182	13,847,373,207	84,565,366	13,963,286,755
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		4,353,914	4,321,013,452	96,949,244	4,422,316,610
- Khấu hao trong kỳ		5,224,697	711,887,967	15,651,236	732,763,900
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-		-	60,637,953	60,637,953
Số dư cuối kỳ	-	9,578,611	5,032,901,419	51,962,527	5,094,442,557
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	-	26,994,268	9,526,359,755	76,290,673	9,629,644,696
- Tại ngày cuối kỳ 30/06/2013	-	21,769,571	8,814,471,788	32,602,839	8,868,844,198

PHỤ LỤC 02:**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu Quý	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	128,700,000,000	9,615,359,500	177,909,956	-	16,632,547,231	155,125,816,687
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước					37,204,290,118	37,204,290,118
Tăng khác						-
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác				982,776,400	14,935,064,881	15,917,841,281
						-
2. Số dư cuối năm trước	128,700,000,000	9,615,359,500	177,909,956	(982,776,400)	38,901,772,468	176,412,265,524
3. Số dư đầu năm nay	128,700,000,000	9,615,359,500	177,909,956	(982,776,400)	38,901,772,468	176,412,265,524
Tăng vốn trong kỳ này						-
Lãi trong kỳ					13,971,437,269	13,971,437,269
Tăng khác			47,624,082			47,624,082
Giảm vốn trong kỳ này						-
Lỗ trong kỳ						-
Giảm khác					6,889,174,740	6,889,174,740
						-
4. Số dư cuối kỳ 30/06/2013	128,700,000,000	9,615,359,500	225,534,038	(982,776,400)	45,984,034,997	183,542,152,135